2026-10-22 CSCA30_De_04_Cau_015

Mã bài CSCA30_De_04_Cau_015

Đề 04 · Câu 015 · Ngày 2026-10-22

Chương 18 - Biến cố ngẫu nhiên và xác suất · Dễ

Kết quả / 答案 C

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：共 36 种等可能结果。

→ 原理：分式有意义的条件是分母不为 0，使分母为 0 的值必须排除。

第2步：和为 7 的有 6 种。

→ 原理：古典概型：$P(A)=\frac{n(A)}{n(\Omega)}$，即有利结果数除以基本事件总数；概率总在 $[0,1]$ 内。

第3步：$P=\frac{1}{6}$。

→ 原理：同上，古典概型：$P(A)=\frac{n(A)}{n(\Omega)}$，即有利结果数除以基本事件总数；概率总在 $[0,1]$ 内。

说明：共有 $6^2=36$ 个等可能结果。点数和为 7 的结果有 $(1,6),(2,5),(3,4),(4,3),(5,2),(6,1)$ 六个，故 $P=\frac{6}{36}=\frac{1}{6}$。

结论：选 C。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Không gian mẫu: $6\cdot 6=36$ kết quả đồng khả năng.

→ Lý thuyết: Phân thức chỉ có nghĩa khi mẫu khác 0; giá trị làm mẫu bằng 0 luôn bị loại khỏi tập xác định và tập nghiệm.

Bước 2 – Tổng bằng 7: $(1,6),(2,5),(3,4),(4,3),(5,2),(6,1)$ – 6 kết quả.

→ Lý thuyết: Xác suất cổ điển: khi mọi kết quả đồng khả năng, $P(A)=\frac{n(A)}{n(\Omega)}$ = số kết quả thuận lợi : tổng số kết quả. Xác suất luôn nằm trong $[0,1]$.

Bước 3 – $P=\frac{6}{36}=\frac{1}{6}$.

→ Lý thuyết: nhắc lại – Xác suất cổ điển: khi mọi kết quả đồng khả năng, $P(A)=\frac{n(A)}{n(\Omega)}$ = số kết quả thuận lợi : tổng số kết quả.

Nhận xét: Có $6^2=36$ kết quả đồng khả năng. Sáu kết quả thuận lợi là $(1,6),(2,5),(3,4),(4,3),(5,2),(6,1)$, nên $P=\frac{6}{36}=\frac{1}{6}$.

Kết luận: chọn C.

Mở đề bài / 查看题目